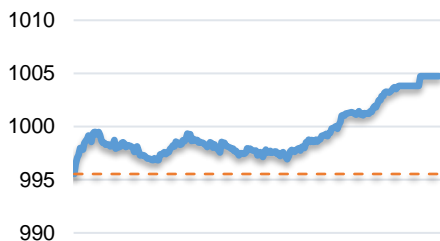


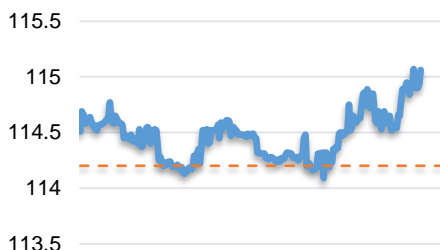
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1,004.74	115.06	52.99
% ngày	0.92	0.75	1.01
% tuần	1.70	2.13	2.45
% tháng	3.62	6.47	3.14
% năm	24.68	9.39	(2.89)
GTGD (Tỷ đồng)			
Trong ngày	4,155	818	433
Hôm qua	3,718	545	283
TB 1 tháng	3,520	623	207
Khối ngoại (Tỷ đồng)			
Mua	912.29	17.80	54.51
Bán	904.49	25.69	49.57
Giá trị ròng	7.80	(7.89)	4.94
Độ rộng TT			
Mã Tăng	177	73	82
Mã Giảm	95	69	69
Không Đổi	81	242	583
Chỉ số chính			
P/E	18x	10.9x	9.9x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,182	201	872
LS Cổ tức	2.07	2.33	3.91

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

VNINDEX



HNX INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường Châu Á có sự phân hóa tương đối rõ nét khi thị trường Trung Quốc, Taiwan và Ấn Độ có phiên điều chỉnh tuy nhiên chỉ ở mức nhẹ còn đa số các thị trường khác đều vẫn có phiên tăng điểm khá tốt. Trong đó có thị trường chứng khoán Việt Nam trong phiên hôm nay đã vượt mốc 1,000 điểm với mức thanh khoản tương đối khả quan. Tuy nhiên, thị trường vẫn phải đối mặt với kỳ cơ cấu danh mục của 2 quỹ ETF lớn trong phiên ngày mai 21/09/2018.

Chỉ số VN-Index đóng cửa ở mức 1,004.7 điểm và tăng mạnh gần 1%. Sàn HNX chỉ số tăng thêm 0.75% dừng lại ở mức 115.1 điểm. Chỉ số Upcom-Index cũng cải thiện tốt khi trong phiên tăng hơn 1% và chốt cuối phiên ở mức 53 điểm. Thanh khoản cả thị trường tốt khi tổng giá trị giao dịch lên đến gần 6,300 tỷ đồng.

Nhóm cổ phiếu dầu khí và ngân hàng vẫn là nhóm dẫn dắt đà tăng của thị trường khi hôm nay, OIL, POW tiếp tục tăng hơn 5%. GAS, PVD, BSR... tăng hơn 3%, cổ phiếu TCB tăng 5,3% và các cổ phiếu ngân hàng khác như VPB, VIB, VCB, EIB, CTG, BID, HDB... đều tăng mạnh mẽ. Thị trường sẽ tăng mạnh hơn nếu như không có sự kìm hãm của các mã như VNM, VIC, SAB, ROS, NVL và MWG.

Nhà đầu tư ngoại trong phiên có lượng mua bán tương đối cân bằng nhau và giá trị giao dịch trong phiên có sự cải thiện hơn so với phiên trước tuy nhiên không nhiều. Lượng mua ròng hôm nay chỉ khoảng gần 5 tỷ đồng.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ biến động quanh mức 1,000 điểm của chỉ số VN-Index với khối lượng giao dịch tăng đột biến do ảnh hưởng từ kỳ cơ cấu danh mục của hai quỹ ETF. Đồng thời, đồ thị giá cũng đang bước vào giai đoạn biến động mạnh theo chiều hướng tích cực cho nên xu hướng tăng ngắn hạn sẽ rõ ràng hơn và dòng tiền sẽ có chuyển biến tích cực hơn trong ngắn hạn. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục tăng mạnh cho thấy cơ hội giải ngân mới tiếp tục tăng dần.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn của hai chỉ số với mức cắt lỗ của hệ thống ở mức 977.15 điểm của chỉ số VN-Index và 111.02 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tận dụng nhịp điều chỉnh để gia tăng tỷ trọng cổ phiếu và mở vị thế mua mới. Đồng thời, chiến lược đầu tư ngược với các quỹ ETF có thể cũng là chiến lược hợp lý trong giai đoạn hiện nay.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 66% cổ phiếu/34% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	GIẢM	997.0	1044.0	915.0	895.0
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	112.5	121.0	96.5	92.0

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.35	GIẢM	GIẢM		17.65				19.58		
ACB	33.80	TĂNG	GIẢM	30.96	32.58	9.17%			36.35		
ACV	84.00	TĂNG	GIẢM	84.10	80.38	-0.12%			95.72		
ANV	21.20	TĂNG	GIẢM	18.90	20.28	12.17%			21.39		
ASM	12.60	TĂNG	GIẢM	13.30	12.41	-5.26%			14.14		
BFC	27.30	GIẢM	GIẢM		27.90				28.92		
BHN	83.10	TĂNG	GIẢM	83.60	79.41	-0.60%			101.13		
BID	35.50	TĂNG	TĂNG	25.80	33.26	37.60%		33.40	27.33	6.29%	
BMP	59.20	TĂNG	GIẢM	56.20	56.53	5.34%			62.30		
BSR	19.60	TĂNG	GIẢM	18.10	17.25	8.29%			19.99		
BVH	98.00	TĂNG	TĂNG	95.70	91.94	2.40%		86.00	74.55	13.95%	
BWE	18.50	TĂNG	GIẢM	17.70	17.77	4.52%			19.20		
CEO	14.10	TĂNG	GIẢM	13.40	12.92	5.22%			14.91		
CHP	22.80	GIẢM	TĂNG		23.16			23.50	22.03	-2.98%	
CSM	14.20	TĂNG	TĂNG	14.25	13.73	-0.35%		14.39	12.77	-1.32%	
CTD	163.00	TĂNG	TĂNG	149.50	159.17	9.03%		161.20	140.81	1.12%	
CTG	27.45	TĂNG	GIẢM	24.00	25.68	14.38%			28.07		
CTI	24.80	GIẢM	GIẢM		27.64				33.12		
CVT	27.20	TĂNG	GIẢM	27.05	25.45	0.55%			29.58		
DCM	10.40	TĂNG	GIẢM	10.16	10.05	2.34%			10.69		
DGW	26.90	TĂNG	TĂNG	23.90	25.53	12.55%			26.51		
DHA	28.20	TĂNG	GIẢM	28.20	27.41	0.00%	MUA		28.49		
DHC	44.10	TĂNG	TĂNG	42.35	43.42	4.13%			43.77		
DHG	97.00	TĂNG	GIẢM	95.30	91.50	1.78%			104.51		
DPG	53.50	TĂNG	TĂNG	40.90	49.96	30.81%		52.00	38.30	2.88%	
DPM	18.10	TĂNG	GIẢM	18.10	17.86	0.00%	MUA		18.72		
DPR	37.70	TĂNG	GIẢM	37.50	36.46	0.53%			38.98		
DQC	29.00	TĂNG	GIẢM	29.55	27.96	-1.86%			30.33		
DRC	27.60	TĂNG	TĂNG	25.85	26.16	6.77%		24.30	22.34	13.58%	
DXG	29.15	TĂNG	GIẢM	28.80	27.69	1.22%			29.38		
ELC	8.97	GIẢM	GIẢM		9.18				10.51		
FCN	16.45	TĂNG	TĂNG	16.45	16.34	0.00%	MUA	17.70	14.10	-7.06%	
FIT	4.18	TĂNG	GIẢM	4.27	4.05	-2.11%			4.98		
FMC	26.40	TĂNG	TĂNG	21.20	25.64	24.53%		24.70	20.98	6.88%	
FPT	45.90	TĂNG	TĂNG	44.55	43.67	3.03%			45.46		
GAS	116.00	TĂNG	TĂNG	101.50	104.96	14.29%		103.00	83.67	12.62%	
GEX	28.50	GIẢM	TĂNG		29.24			30.10	25.97	-5.32%	
GIL	39.10	TĂNG	GIẢM	41.65	38.49	-6.12%		34.90	45.89	31.49%	



We Create Fortune

GMD	27.25	TĂNG	GIẢM	25.40	25.32	7.28%		28.65		
GTN	10.55	GIẢM	TĂNG		11.22			11.20	9.83	-5.80%
HAG	6.00	GIẢM	TĂNG		6.51			6.19	5.86	-3.07%
HAX	17.40	TĂNG	GIẢM	16.40	16.39	6.10%			18.40	
HBC	24.20	TĂNG	GIẢM	23.80	22.81	1.68%			27.04	
HDB	38.85	TĂNG	GIẢM	38.20	37.09	1.70%			42.32	
HNG	16.80	TĂNG	TĂNG	16.70	16.44	0.60%		8.20	14.25	104.88%
HPG	40.90	TĂNG	GIẢM	37.20	38.31	9.95%			42.50	
HSG	12.50	TĂNG	GIẢM	11.35	11.50	10.13%			13.04	
HT1	13.70	TĂNG	TĂNG	11.75	13.19	16.60%		13.00	11.06	5.38%
HUT	5.30	GIẢM	GIẢM		5.40				6.64	
HVN	38.80	GIẢM	TĂNG		39.50			39.20	31.92	-1.02%
ITD	12.05	GIẢM	TĂNG		12.30			12.40	11.14	-2.82%
KBC	12.70	TĂNG	GIẢM	12.40	11.78	2.42%			13.24	
KDH	34.55	TĂNG	TĂNG	30.30	31.98	14.03%		33.40	33.01	3.44%
KSB	31.40	GIẢM	GIẢM		32.29				33.01	
LCG	9.30	TĂNG	TĂNG	9.46	9.05	-1.69%		9.39	8.35	-0.96%
LDG	15.95	TĂNG	TĂNG	15.00	14.41	6.33%			15.06	
LIX	48.50	TĂNG	TĂNG	41.20	46.85	17.72%		44.40	43.73	9.23%
LPB	9.60	TĂNG	GIẢM	9.50	8.78	1.05%			11.56	
LSS	7.18	TĂNG	GIẢM	7.22	6.83	-0.55%			7.75	
MSN	92.50	GIẢM	TĂNG		94.90			90.60	81.25	2.10%
MWG	121.50	TĂNG	TĂNG	122.00	117.76	-0.41%		121.00	106.33	0.41%
NKG	14.55	TĂNG	GIẢM	13.70	13.31	6.20%			15.99	
NLG	32.40	TĂNG	TĂNG	31.75	30.51	2.05%			31.83	
NT2	26.60	TĂNG	GIẢM	27.20	25.45	-2.21%			28.69	
NTL	9.74	TĂNG	TĂNG	10.35	9.59	-5.89%		10.45	8.94	-6.79%
NTP	48.50	GIẢM	GIẢM		50.59				51.08	
PAC	43.80	TĂNG	TĂNG	40.20	41.62	8.96%			42.18	
PC1	28.30	TĂNG	GIẢM	26.15	25.92	8.22%			28.42	
PDR	25.55	GIẢM	GIẢM		26.24				28.77	
PGC	14.15	TĂNG	GIẢM	14.35	13.90	-1.39%			15.68	
PHR	26.75	TĂNG	TĂNG	21.90	25.35	22.15%		24.00	21.67	11.46%
PLX	71.30	TĂNG	TĂNG	60.50	67.89	17.85%		68.00	57.13	4.85%
PNJ	99.40	GIẢM	TĂNG		102.91			103.90	86.95	-4.33%
POW	16.30	TĂNG	TĂNG	13.00	14.34	25.38%		14.10	11.31	15.60%
PPC	18.75	TĂNG	GIẢM	18.50	18.16	1.35%			19.21	
PTB	62.40	TĂNG	TĂNG	62.40	59.89	0.00%	MUA	64.00	53.16	-2.50%
PVD	18.20	TĂNG	TĂNG	15.75	16.19	15.56%		16.35	11.96	11.31%
PVI	33.00	TĂNG	TĂNG	29.90	30.60	10.37%			32.96	
PVS	23.60	TĂNG	TĂNG	17.00	21.26	38.82%		20.90	16.39	12.92%
PXS	6.90	TĂNG	TĂNG	6.17	5.83	11.83%		6.19	4.60	11.47%
RAL	103.80	TĂNG	TĂNG	91.00	88.63	14.07%			100.14	



We Create Fortune

REE	36.20	GIẢM	TĂNG		36.29			36.40	31.68	-0.55%	
SAB	219.90	TĂNG	GIẢM	208.00	216.48	5.72%			233.02		
SAM	7.98	TĂNG	TĂNG	7.16	7.59	11.45%		7.75	7.59	2.97%	MUA
SBV	24.50	GIẢM	GIẢM		24.53				27.76		
SCR	9.48	TĂNG	GIẢM	9.47	9.08	0.11%			10.30		
SHI	6.20	GIẢM	TĂNG		6.24			6.99	5.88	-11.30%	
SJS	19.20	GIẢM	GIẢM		20.12				21.87		
SKG	24.70	TĂNG	TĂNG	23.70	23.55	4.22%		23.10	20.01	6.93%	
SSI	32.60	TĂNG	GIẢM	29.55	30.66	10.32%			34.19		
STB	12.65	TĂNG	GIẢM	11.20	11.89	12.95%			12.71		
SVC	42.00	GIẢM	GIẢM		43.97				48.38		
TCB	28.00	TĂNG	GIẢM	26.60	25.26	5.26%			N/A		
TCM	29.10	TĂNG	TĂNG	17.80	27.92	63.48%		21.60	19.48	34.72%	
TDH	11.20	GIẢM	GIẢM		11.59				12.95		
TLH	7.21	GIẢM	GIẢM		7.34				8.11		
TMT	9.19	TĂNG	TĂNG	7.60	8.95	20.92%		9.29	7.28	-1.08%	MUA
TNG	15.50	TĂNG	TĂNG	10.80	13.82	43.52%		12.00	10.54	29.17%	
TYA	10.40	GIẢM	GIẢM		10.78				11.82		
VCB	64.40	TĂNG	GIẢM	64.00	60.85	0.63%			64.41		
VFG	35.90	GIẢM	TĂNG		37.11			34.39	32.56	4.38%	
VGC	19.10	TĂNG	GIẢM	17.90	17.89	6.70%			21.13		
VHM	105.00	GIẢM	N/A		107.82						
VIB	27.90	TĂNG	GIẢM	27.90	27.70	0.00%	MUA		30.67		
VIC	98.50	GIẢM	TĂNG		101.62			111.50	92.44	-11.66%	
VIP	6.92	GIẢM	GIẢM		7.07				7.29		
VJC	149.60	GIẢM	TĂNG		154.02			156.00	130.21	-4.10%	
VNM	136.00	TĂNG	GIẢM	132.00	132.36	3.03%			139.87		
VPB	25.80	TĂNG	GIẢM	25.80	25.54	0.00%	MUA		31.20		
VRC	23.00	TĂNG	TĂNG	17.75	22.55	29.58%		19.35	19.68	18.86%	
VRE	37.55	GIẢM	GIẢM		38.54				44.98		
VSC	43.90	TĂNG	TĂNG	42.90	40.49	2.33%		35.30	35.61	24.36%	
VSH	17.40	GIẢM	TĂNG		17.61			17.40	16.64	0.00%	



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	1,004.74	0.92
VN30	971.18	0.88
VN Mid	1,051.56	1.15
VN Small	841.15	0.32

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	115.06	0.75
HN30	212.25	1.09
VNX AllSh	1,409.09	0.75

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	52.99	1.01

GDKN	GTGD (tỷ VND)
Mua	912.29
Bán	904.49
GT rỗng	7.80

GDKN	GTGD (tỷ VND)
Mua	17.80
Bán	25.69
GT rỗng	(7.89)

GDKN	GTGD (tỷ VND)
Mua	54.51
Bán	49.57
GT rỗng	4.94

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
LHG	1450	6.82%
STK	1050	6.73%
PTB	3500	5.94%
TCB	1400	5.26%
SVC	2000	5.00%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DBC	1800	6.41%
PVI	1100	3.45%
AMV	800	2.95%
MBS	400	2.23%
SHS	300	1.84%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
MSR	1700	7.91%
OIL	1100	7.19%
POW	1000	6.54%
DVN	800	4.91%
SDI	2500	4.17%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DHC	-2,900	-6.17%
NT2	-1,300	-4.66%
OGC	-100	-3.23%
TCM	-900	-3.00%
BCG	-210	-2.84%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
L14	-1,600	-3.31%
VC3	-100	-0.54%
DGC	-200	-0.46%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NTC	-700	-0.99%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng
VIC	314,375
VHM	281,359
VNM	236,835
VCB	231,696
GAS	222,018

GTVH cao nhất	Tỷ đồng
ACB	42,154
VCS	15,888
PVS	10,542
SHB	10,467
VGC	8,563

GTVH cao nhất	Tỷ đồng
ACV	182,879
BSR	60,770
MCH	53,674
HVN	48,486
POW	38,173

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
HPG	9.97	5.35
TCB	5.78	1.42
VPB	5.71	4.56
CTG	5.64	6.36
FLC	5.49	10.29

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
SHB	6.39	7.84
PVS	5.29	6.73
ACB	3.47	4.99
DPS	2.98	0.46
TNG	2.47	0.55

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
BSR	5.10	2.34
POW	4.01	1.85
OIL	3.16	0.82
VGT	2.11	0.75
LPB	1.31	1.51

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

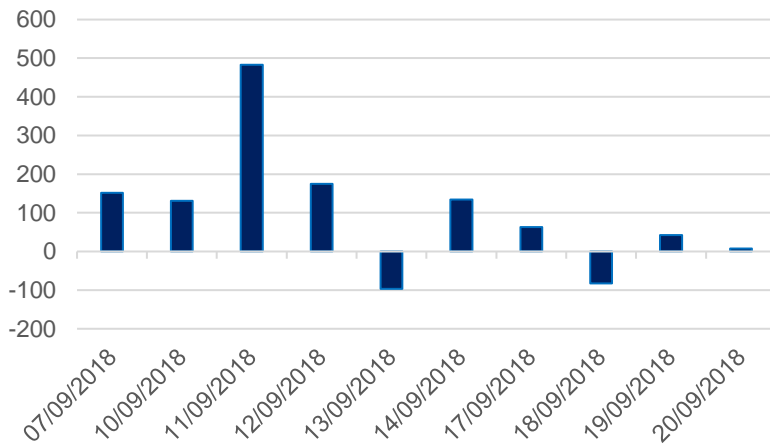
Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

g



We Create Fortune

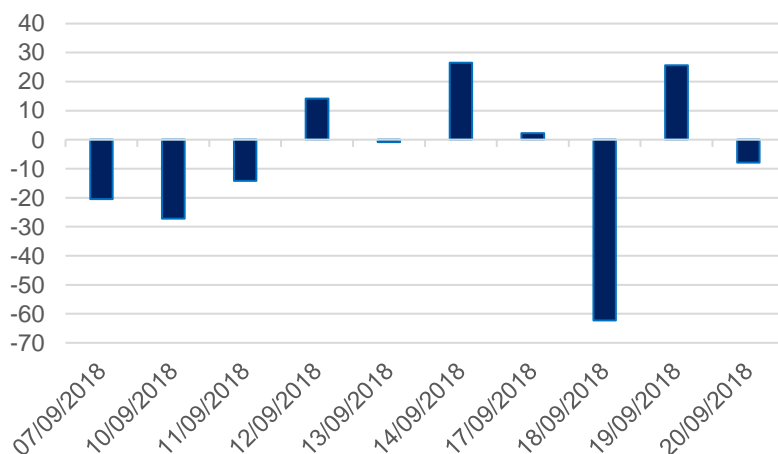
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
GAS	25,991	VIC	(18,679)
BMP	19,296	VHM	(18,042)
SSI	17,729	MSN	(10,812)
VJC	15,209	VRE	(8,912)
NLG	9,949	PAN	(7,998)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

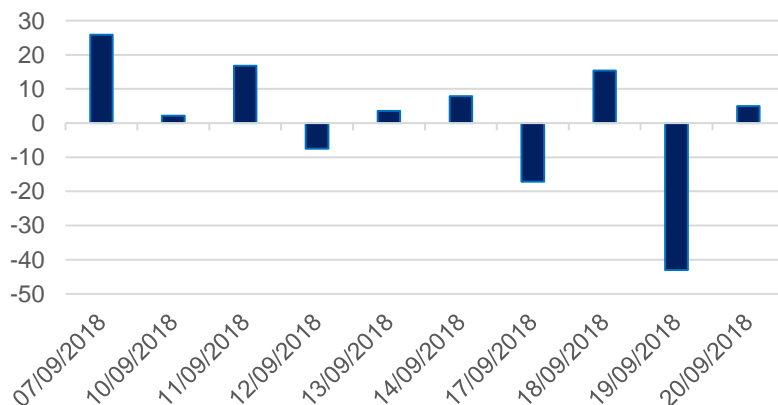
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
CEO	779	VGC	(2,862)
MBS	708	PVS	(2,330)
MST	403	TIG	(1,803)
VCS	285	SHS	(1,109)
LAS	160	CSC	(631)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại Upcom



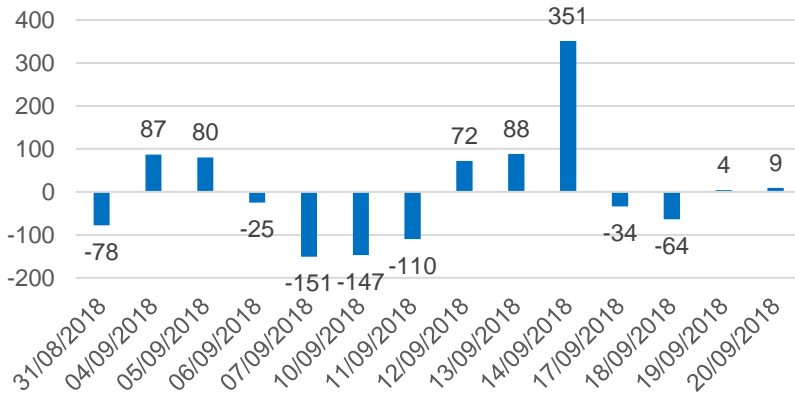
Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
POW	26,813	BSR	(16,827)
VEA	5,129	VGT	(6,184)
LPB	1,360	LTG	(5,192)
GEG	1,157	HVN	(1,943)
MPC	475	ACV	(475)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

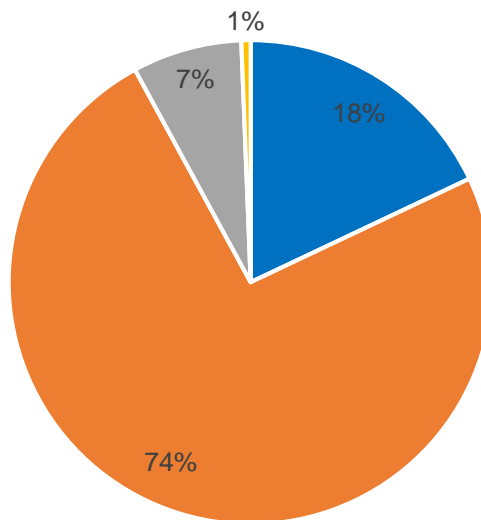


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VNĐ)
NVL	35,538	NVL	33,352
VIC	18,138	BMP	19,250
MWG	17,099	E1VFN30	10,506
E1VFN30	12,304	VCB	6,386
SSI	9,406	VIC	4,378

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



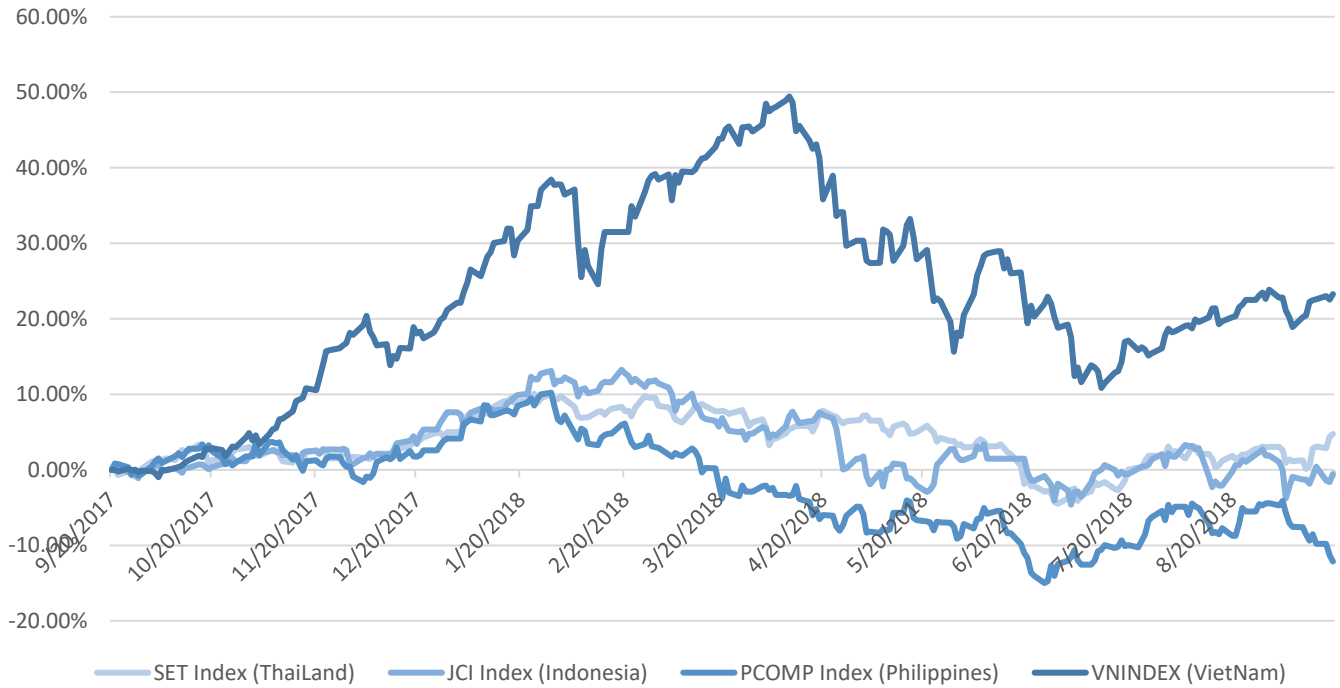
- Tổ chức nước ngoài
- Cá nhân trong nước
- Tổ chức trong nước
- Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create **Fortune**

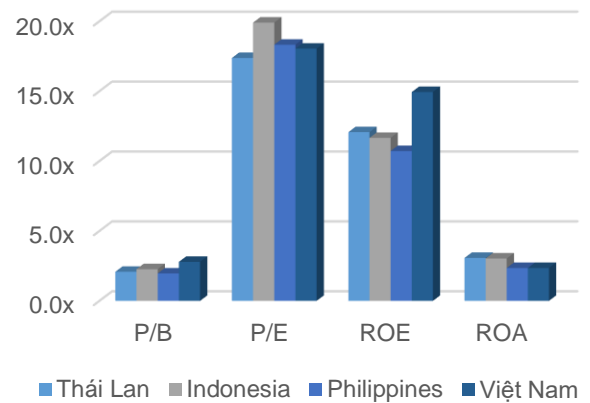
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.1x	2.3x	2.0x	2.8x
P/E		17.4x	19.9x	18.3x	18.0x
ROE	%	12.07	11.66	10.72	14.94
ROA	%	3.08	3.03	2.36	2.35
Vốn hóa	Tỷ USD	544.78	447.40	168.52	138.26
GTGD	Triệu USD	2.61	0.35	0.07	0.18
LS cổ tức	%	3.01	2.29	1.65	2.07

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or in any form or manner, without the express written